

BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ THIẾT CHẾ XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN

ThS PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Học viện Chính trị khu vực III

1. Đặt vấn đề

Thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) được hiểu là “thiết chế xã hội trong xã hội tiên hiện đại, với những mối quan hệ của các thể chế trong các cộng đồng mà chưa có sự tham gia quản lý của các thiết chế nhà nước”, đó là cấu trúc làng, buôn, bản, phum, sóc...; người có uy tín (già làng - trưởng bản, trưởng các phum, sóc...), gia đình, dòng họ, phong tục, tập quán, luật tục...¹ ở vùng dân tộc thiểu số, các thiết chế đó vận hành trong môi quan hệ chặt chẽ của cộng đồng tộc người, tạo nên nét riêng trong bản sắc văn hóa, sự ổn định lâu dài và bền vững của tộc người. Thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số nước ta rất phong phú và đa dạng và tác động, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống cộng đồng nói chung, đến tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị của vùng đồng dân tộc thiểu số nói riêng. Với đặc điểm địa lý, tự nhiên, môi trường sinh thái, điều kiện cư trú, lịch sử dân tộc, trình độ phát triển... sẽ tác động cụ thể đến tổ chức thiết chế xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số trên đất nước mang những sắc thái riêng và thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên cũng nằm trong đặc điểm chung đó.

Tây Nguyên là một trong sáu vùng kinh tế lớn của đất nước và là vùng đất với nhiều dân tộc anh em cùng nhau sinh sống. Hiện nay, toàn Vùng Tây Nguyên có 53 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 52 dân tộc thiểu số như Bana, Xê Đăng, Ê Đê, Gia Rai, K’ho, M’Nông²... mỗi dân tộc có những nét

văn hóa riêng nhưng tổng thể vẫn có một sự tương đồng, thống nhất và hòa hợp với nhau tạo thành văn hóa của vùng mang đậm sắc màu Tây Nguyên, cấu thành nên văn hóa Việt Nam phong phú, đậm đà bản sắc, chính vì vậy Đảng và Nhà nước luôn đặc biệt quan tâm phát triển toàn diện và bền vững vùng Tây Nguyên, trong đó, xác định: “Xây dựng nền văn hóa Tây Nguyên tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, thống nhất trong đa dạng, tôn trọng các giá trị văn hóa khác biệt giữa các dân tộc, coi đây là động lực, nền tảng cho phát triển và hội nhập quốc tế của vùng”³. Hiện nay, trong bối cảnh nền kinh tế thị trường đang diễn ra mạnh mẽ, đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực, bên cạnh những kết quả tích cực thì việc bảo tồn và phát huy giá trị thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên gặp phải rất nhiều khó khăn, thách thức to lớn như: Quá trình suy giảm diện tích rừng và chuyển đổi sở hữu đất đai đã làm nền tảng văn hóa của cộng đồng cư dân tại chỗ thay đổi và biến động. Nhiều giá trị văn hóa đã bị biến tướng, trở nên thương mại hóa và đậm màu dị đoan: “Thiết chế cổ truyền đã bị phá vỡ, vị thế thủ lĩnh tinh thần và vai trò phán xử của già làng đã mờ nhạt, những câu luật tục bằng văn vần truyền miệng đã trở nên khó hiểu và xa lạ đối với thế hệ trẻ...”⁴. Điều này thật sự đang đặt ra những nguy cơ to lớn như “làm biến mất bản sắc văn hóa tộc người; con người Tây Nguyên sẽ mất đi nền tảng văn hóa từ đó dẫn đến xa rời cộng đồng, mất phương hướng tự điều chỉnh và tự giáo dục; phá vỡ

tính ổn định và phát triển bền vững của xã hội”⁵... Cho nên yêu cầu giữ gìn và phát huy các yếu tố tích cực của thiết chế xã hội truyền thống của các tộc người thiểu số trong giai đoạn hiện nay trở nên cấp bách, đây được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, trước mắt cũng như lâu dài và vô cùng cần thiết cho mảnh đất Tây Nguyên - xứ sở đại ngàn với những bộ sử thi kỳ vĩ linh thiêng của Tổ quốc.

2. Vai trò thiết chế xã hội truyền thống của dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên - lịch sử và hiện tại

Tây Nguyên là vùng đất duy nhất có đông thành phần dân tộc nhất Việt Nam và có đủ các nhóm ngôn ngữ - dân tộc của Việt Nam cùng sinh sống cho nên bản sắc văn hóa Tây Nguyên vô cùng phong phú, là nơi lưu giữ được nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, có giá trị lịch sử và thẩm mỹ độc đáo. Chính vì vậy mà Tây Nguyên có hệ thống các thiết chế xã hội truyền thống đặc biệt, phong phú, phát triển và trường tồn theo chiều dài lịch sử các dân tộc ở Tây Nguyên. Có thể kể đến ba thiết chế chiếm vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho cộng đồng các tộc người hoạt động nhịp nhàng trên mảnh đất chung Tây Nguyên, đó là buôn làng, già làng, luật tục.

2.1. Vai trò thiết chế buôn làng ở Tây Nguyên

Tây Nguyên gồm 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, diện tích tự nhiên 54.548km², chiếm 1/6 diện tích, là nơi sinh sống của gần 6 triệu người, trong đó dân tộc thiểu số gần 2,2 triệu người. Hiện nay, Tây Nguyên có 2.800 buôn, bon, làng, plây cô truyền của đồng bào các DTTS⁶; buôn, bon, làng là nơi lưu giữ những đặc điểm cấu trúc, sinh hoạt văn hóa truyền thống như làng Kon Kơ Tu, làng Kon Du, làng Kon Sỏi (tỉnh Kon Tum); làng Ê K’tu (tỉnh Gia Lai); buôn Akó Nhung, buôn Jun (tỉnh Đắk Lắk) và các buôn, bon của người Mnông, người Mạ, người K’ho ở các tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng. Những nơi này còn giữ được các nghề thủ công cổ truyền nổi tiếng như nghề dệt thổ cẩm, dệt tơ lụa, đan lát mây tre... Từ xa xưa, buôn làng là đơn vị xã hội cơ bản và chủ đạo ở Tây Nguyên, làng của cộng đồng Tây Nguyên chứa đựng trong nó một hệ thống tri thức bản địa phong phú. Ở đây, từ văn hóa, kinh tế, tôn giáo... đều gắn với buôn làng, qua 4 đặc trưng: buôn làng là một cộng đồng cư trú; buôn làng là một cộng đồng sở hữu; buôn làng là một cộng

đồng tôn giáo và buôn làng là một cộng đồng văn hóa. Làng ở Tây Nguyên được liên kết, tồn tại và phát triển bởi một không gian cư trú, không gian tâm linh, không gian văn hóa - xã hội, tồn tại và phát triển trên nền tảng của luật tục truyền thống và mỗi buôn làng đều có ranh giới truyền thống quản lý tài nguyên tự nhiên (đất đai, rừng, nguồn nước) được hình thành từ khi thành lập làng và ranh giới truyền thống này được người dân phân định rõ ràng với các làng bản xung quanh và được mọi người tôn trọng, thừa nhận và tuân thủ chấp hành, có thể nói buôn làng trở thành “không gian xã hội” bất khả xâm phạm.

Tuy nhiên, hiện nay, làng của Tây Nguyên đã có nhiều thay đổi, kiểu làng sống đan xen, cộng cư xuất hiện ngày càng nhiều, còn kiểu làng sống thuần nhất tồn tại rất ít ở các vùng xa, vùng sâu. Các cuộc di dân đã làm biến đổi toàn bộ hiện trạng Tây Nguyên về mặt cơ cấu dân số và biến động xã hội, dẫn đến mô hình làng tự quản theo luật tục ở Tây Nguyên đã bị phá vỡ. Cùng với sự tác động của những biến chuyển xã hội, các cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên đang biến đổi theo xu hướng hiện đại hóa, kinh tế thị trường bắt đầu xuất hiện nhiều tại các buôn làng và đẩy xa dần nền kinh tế tự cung tự cấp. Bên cạnh đó, không gian rừng thiêng của cộng đồng Tây Nguyên hiện nay không còn, đất đai bị khai thác triệt để, môi trường bị xâm phạm nghiêm trọng... đã tạo ra những hệ lụy đáng lo ngại. Phong tục tập quán - cơ sở hình thành hành vi, thái độ ứng xử của con người đối với thiên nhiên cũng đang dần biến mất, làm thay đổi cơ cấu làng và tín ngưỡng của cộng đồng.

2.2. Vai trò thiết chế già làng ở Tây Nguyên

Già làng - một vị trí đặc biệt, được ví như mái nhà Rông vững chãi, trung tâm của buôn làng. Hiện nay, theo thống kê của Mặt trận Tổ quốc các tỉnh Tây Nguyên, toàn vùng có 3.702 già làng (trong đó, tỉnh Lâm Đồng 672, Đắk Nông 128, Đắk Lắk 556, Gia Lai 1.228 và Kon Tum 1.118)⁷. Già làng có vai trò vô cùng quan trọng trong dân làng, được xem như “sứ giả của Giàng (trời) - để chuyển tải những ý đồ của bậc thần linh xuống dân làng; là người cao tuổi, có uy tín và nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc ứng xử với thiên nhiên và con người, người hiểu biết luật tục; là nhân vật quyền lực, đại diện cho quyền lợi và danh dự của toàn thể buôn làng

trong giao lưu, đối ngoại với địa phương khác”⁸. Già làng là chỗ dựa tinh thần cho cả dân làng, tham gia hòa giải các vụ việc có liên quan tại cộng đồng và đặc biệt là kênh truyền thông, vận động hữu ích, là người tuyên truyền mọi chủ trương, chính sách của Nhà nước, trở thành cầu nối giữa Nhà nước đến từng người dân. Thông tin từ phía già làng vừa có tính loan báo, vừa có tính định hướng như các vấn đề kinh tế, pháp luật, về tác hại của việc du canh, du cư, phá rừng làm nương rẫy đến các chiêu trò dụ dỗ, kích động của bọn phản động... thông qua các cuộc nói chuyện gần gũi, thân mật của già làng sẽ thu hút sự chú ý để bà con nhận ra lợi ích, học tập làm theo, tiếp nhận được mọi chính sách liên quan và điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình đúng đắn.

Thế nhưng, “một biểu hiện rất rõ đã xuất hiện tại các cộng đồng hiện nay là tiếng nói của già làng ngày càng ít có hiệu lực, đặc biệt đối với người trẻ; “quyền lực” của già làng không còn như trong xã hội truyền thống. Đồng thời, khi các tín ngưỡng bản địa có xu hướng thay đổi cả về tính chất lẫn quy mô, vai trò tâm linh của già làng cũng dần mờ nhạt”⁹ nên hạn chế ít nhiều đến vai trò hướng đạo cộng đồng và thiết chế tự quản buôn, làng.

2.3. Vai trò thiết chế luật tục ở Tây Nguyên

Từ thuở xa xưa, ở Tây Nguyên, điều hành xã hội bằng luật tục trong thiết chế cổ truyền là một biểu hiện độc đáo của đồng bào các dân tộc bản địa Tây Nguyên. Tây Nguyên là địa bàn có nhiều cộng đồng tộc người thiểu số sinh sống, nhiều sắc thái văn hóa khác nhau, chính văn hóa tộc người đa dạng đó là môi trường làm nảy sinh, tồn tại và phát triển của luật tục. Luật tục Tây Nguyên là bộ phận cốt lõi và định hình nhất của văn hóa Tây Nguyên, luật tục là hệ thống các nguyên tắc, các quy định bất thành văn được hình thành, tồn tại trong quá trình phát triển xã hội, đề cập đến những nội dung cơ bản như hệ thống tổ chức và quản lý cộng đồng; trật tự và an ninh của cộng đồng; phong tục tập quán, nghi lễ - tín ngưỡng; quan hệ nam nữ, hôn nhân và gia đình; sở hữu và thừa kế tài sản; bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên môi trường; tội lỗi và các hình phạt... Luật tục của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có sức sống mãnh liệt, ăn sâu trong tiềm thức của đồng bào các dân tộc, trong cuộc sống buôn, bon, plây tạo nên tính cố kết

cộng đồng ở vùng Tây Nguyên hết sức bền chặt. Luật tục được xây dựng và có tác động đến nhận thức, hành vi của cộng đồng, tạo nên một trật tự cần thiết cho các hoạt động của đời sống xã hội. Cơ chế điều chỉnh của luật tục, bằng nhiều cách thức, như giáo dục, răn đe, xử phạt... Luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có vai trò hết sức quan trọng và cần thiết để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội cộng đồng, tổ chức quản lý xã hội, điều chỉnh quan hệ xã hội trong phạm vi, góp phần xây dựng nhân cách của con người. Luật tục được các dân tộc Tây Nguyên chấp nhận, tuân thủ một cách tự nguyện theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch... luật tục được nảy sinh từ cơ cấu xã hội là buôn, làng. Tách khỏi môi trường buôn, làng thì luật tục sẽ không còn vai trò điều hòa các quan hệ cộng đồng nữa. Về hình thức, luật tục Tây Nguyên tồn tại dưới dạng “lời nói vắn” được tư duy và thể hiện bằng các hình ảnh cụ thể. Nhiều câu nói vắn hợp thành một điều luật và nhiều điều luật hợp thành một bộ luật tục. Luật tục Tây Nguyên có phạm vi điều chỉnh khá rộng. Ví dụ: Luật tục Ê Đê có 236 điều, 11 chương là 11 vấn đề khác nhau (Những quy định chung về hình phạt và các tội; những vấn đề xúc phạm đến người đầu làng; cái tội của người đầu làng; các vi phạm lợi ích cộng đồng; hôn nhân; quan hệ cha mẹ - con cái; tội gian dâm; các trọng tội; của cải và tài sản; tội gây thiệt hại cho người và trâu bò; đất đai và chủ đất)¹⁰.

Ngày nay, luật tục vẫn là cơ sở để quản lý và hòa giải các quan hệ xã hội nhưng phạm vi điều chỉnh và nội dung đã có nhiều thay đổi. Chẳng hạn, những vấn đề phức tạp như tranh chấp liên quan tới rừng, đất đai, tài nguyên... trước kia thuộc phạm vi điều chỉnh của luật tục thì nay chuyển sang cho chính quyền địa phương hoặc tòa án. Luật tục ngày nay chỉ là cơ sở để hòa giải các quan hệ xã hội mang tính chất dân sự và bảo tồn các thuần phong mỹ tục, các nghi lễ trong phạm vi buôn, bon, plây. Mặt trái của nền kinh tế thị trường, hiện tượng đạo đức xuống cấp, vi phạm pháp luật nghiêm trọng có xu hướng tăng lên, điều này dẫn đến việc xét xử hay chế tài của luật tục không còn phù hợp và chưa phát huy được hiệu quả. Thế hệ trẻ thì nhanh nhậy trong tiếp thu cái mới nhưng lại chưa có kinh nghiệm trong việc ứng dụng luật tục vào việc quản lý cộng

đồng, những câu luật tục bằng văn vần truyền miệng đã trở nên khó hiểu và xa lạ đối với thế hệ trẻ.

3. Một số giải pháp bảo tồn, phát huy thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Tây Nguyên là một vùng đất có vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là vùng đất với sắc màu văn hóa đậm bản sắc, đa dạng, phong phú. Để Tây Nguyên thực hiện được khát vọng phát triển, hội nhập nhưng vẫn giữ lại nguyên trạng những nguyên sơ, hoang dã, mộc mạc về đẹp của nơi này, bài viết xin đề xuất một số giải pháp sau đây nhằm bảo tồn, phát huy thiết chế xã hội truyền thống của DTTS ở Tây Nguyên trong thời gian đến:

Một là, nâng cao tuyên truyền, giáo dục ý thức, khơi dậy tình yêu cho cộng đồng các DTTS, nhất là thế hệ trẻ Tây Nguyên trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc từ các lễ hội dân gian đến ẩm thực, trang phục, ngôn ngữ, ca hát, nhạc cụ, hội hè, thờ cúng, cưới xin..., đưa nét đẹp văn hóa truyền thống lồng ghép vào tiết học; cũng như các hoạt động của nhà trường ở Tây Nguyên; đẩy mạnh giáo dục, phát huy tính tự quản, ý thức cội nguồn, đoàn kết cộng đồng trong các bản, làng, buôn ở Tây Nguyên hiện nay.

Hai là, có cơ chế đặc thù trong việc xây dựng “làng văn hóa” theo hướng phát triển bền vững như hình thành một số điểm du lịch cộng đồng tiềm năng, nâng cao chất lượng các dịch vụ, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các điểm du lịch cộng đồng; triển khai mạnh lộ trình du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh; phục dựng các lễ hội truyền thống để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS, để buôn làng luôn phát triển vững mạnh, giữ được đặc trưng văn hóa và quảng bá được hình ảnh, thương hiệu buôn làng.

Ba là, Nhà nước cần phải có chính sách về việc nhanh chóng phục hồi rừng; xử lý nghiêm các hành vi phá hoại rừng. Bơi rừng là linh hồn của Tây Nguyên, linh hồn của mỗi buôn làng, văn hóa làng - rừng đã tạo nên sắc thái riêng biệt, độc đáo mà chỉ nơi đây - miền rừng nối tiếp miền rừng mới có được. Cần cụ thể các việc như đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại rừng, kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng; nghiên cứu, lắng nghe

tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS đối với việc quản lý, bảo vệ rừng; giải quyết hợp lý những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

Bốn là, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cần có trách nhiệm hơn trong việc chỉ đạo, tìm kiếm cho mỗi buôn làng một già làng thực sự tiêu biểu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay, là người am hiểu luật tục kết hợp có tri thức xã hội hiện đại, biết tiếng Việt, hiểu về luật pháp để có thể cho dân làng những lời khuyên, động viên dân làng trong phát triển kinh tế, giải quyết hợp lý các vụ mâu thuẫn, tranh chấp, khuyên bảo người trẻ chăm chỉ học hành, làm việc. Già làng cần có khả năng nhạy bén trước các chiêu trò kích động, phá hoại, dụ dỗ của các thế lực phản động để kịp thời cảnh giác dân làng. Chính phủ cần có chính sách đặc thù, có chế độ đãi ngộ phù hợp cho già làng. Các cấp chính quyền phải kịp thời ghi nhận, vinh danh, tuyên dương công lao của già làng trong công tác phát triển cộng đồng, tạo động lực để các già làng hoạt động mạnh mẽ, thể hiện hơn nữa vai trò của mình đối với dân làng.

Năm là, cần phát huy mạnh mẽ vai trò tích cực của luật tục Tây Nguyên để cùng với pháp luật nhằm quản lý xã hội ở nơi đây, vận dụng luật tục trong giáo dục việc thực hiện pháp luật cho người dân tộc thiểu số. Ví dụ, có thể vận dụng “Điều 109 Luật tục Ê Đê coi trọng việc vợ chồng kết hôn, ăn ở bền vững, không được bỏ nhau: “Đã lấy vợ thì phải ở với vợ cho đến chết; đã cầm càn mời rượu thì phải vào cuộc cho đến khi rượu nhạt; đã đánh công thì phải đánh cho đến khi người ta giữ tay lại”¹¹ để giáo dục thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình.

Sáu là, cần kiên quyết xóa bỏ hoàn toàn những hủ tục lạc hậu như “Ma lai”, “thuốc thư”, “thầy mo”, du canh - du cư, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống và xóa bỏ một phần các tập tục như “cúi hứa hôn” hoặc tập tục đáp lễ bằng cách giết mổ nhiều bò, heo, gà, rượu cần hay giết mổ nhiều gia súc, gia cầm trong đám tang, lễ hội... đây là những hình thức mê tín, hủ tục lạc hậu đã tồn tại khá lâu trong cộng đồng dân tộc thiểu số Tây Nguyên, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tổn kém kinh tế, vi phạm Luật Lâm nghiệp về chặt phá rừng, vì vậy cần xóa bỏ để giúp đồng bào chăm lo phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và hòa nhập với cuộc sống mới hiện đại, văn minh.

Tóm lại, việc bảo tồn và phát huy các giá trị thiết chế xã hội truyền thống ở Tây Nguyên là một trong những quan tâm đặc biệt trong chiến lược bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc theo tinh thần của Đại hội XIII của Đảng. Giá trị thiết chế xã hội truyền thống thực sự là những giá trị tài nguyên đặc biệt của Tây Nguyên, là cơ sở cho trật tự xã hội, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc góp phần quan trọng vào sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Trước thực trạng các thiết chế xã hội truyền thống đang bị phai nhạt, biến dạng bởi tác động của thời gian và sự phát triển của xã hội, cho nên hơn bao giờ hết, giá trị thiết chế xã hội truyền thống cần phải được bảo tồn và tích hợp với giá trị của đời sống văn hóa mới, trên cơ sở phương châm làm cho con người và vùng đất Tây Nguyên ngày càng tốt đẹp hơn, loại bỏ những yếu tố xấu và yếu tố lạc hậu để Tây Nguyên mãi hùng vĩ, rực rỡ giữa cao nguyên đại ngàn, xứng đáng với vị thế “nóc nhà của Đông Dương” - một vùng đất anh hùng trong đấu tranh cách mạng với nền văn hóa vô cùng đặc sắc.

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Lý luận dân tộc và Quan hệ dân tộc ở Việt Nam*, Nxb LLCT, H, 2011, tr. 141.
2. Hoàng Giang: *Tạo sinh kế bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên*, cập nhập ngày 30-11-2022, <https://baochinhphu.vn/tao-sinh-ke-ben-vung-vung-dong-bao-da-n-toc-thieu-so-tay-nguyen-102221130153746779.htm>.

3. Khoa Chương: *Bảo tồn giá trị văn hóa các dân tộc vùng Tây Nguyên*, <https://baotintuc.vn/doi-song-van-hoa/bao-ton-gia-tri-van-hoa-cac-dan-toc-vung-tay-nguyen-20231206113924414.htm>, 06-12-2023,
- 4,5. Đặng Trọng Hộ: *Văn hóa truyền thống các dân tộc Tây Nguyên: Nhận diện đúng để bảo tồn hiệu quả*, <https://baodantoc.vn/van-hoa-truyen-thong-cac-dan-toc-tay-nguyen-nhan-dien-dung-de-bao-ton-hieu-qua-1623057168692.htm>, 08-06-2021.
6. Nguyễn Khánh Hòa: *Buôn làng Tây Nguyên đi theo con đường sáng*, <https://www.xaydungdang.org.vn/ng-hi-quyet-va-cuoc-song/buon-lang-tay-nguyen-di-theo-con-duong-sang-20484>, 12-02-2024.
7. Cổng thông tin Điện tử Tỉnh Kom Tum: *Vai trò của già làng trong công tác truyền thông*, [https://www.kontum.gov.vn/pages/detail/6136/Thong-tin-can-biet.html#:~:text=V%1%BB%81%20m%E1%BA%B7%20t%C3%A2m%20linh%2C%20gi%C3%A0,ng%0%E1%BA%A1i%20v%E1%BB%9B%20C4%91%E1%BB%8Ba%20ph%C6%B0%C6%A1ng%20kh%C3%A1c](https://www.kontum.gov.vn/pages/detail/6136/Thong-tin-can%20biet.html#:~:text=V%1%BB%81%20m%E1%BA%B7%20t%C3%A2m%20linh%2C%20gi%C3%A0,ng%0%E1%BA%A1i%20v%E1%BB%9B%20C4%91%E1%BB%8Ba%20ph%C6%B0%C6%A1ng%20kh%C3%A1c), 12-04-2013,
8. Hà Oanh: *Vai trò của già làng trong công tác truyền thông*, <https://kontum.gov.vn/pages/detail/6136/Thong-tin-can-biet.html>, 12-04-2013.
9. *Phát huy vai trò của già làng trong xu thế hiện đại hóa*, <http://danvan.vn/Home/Dien-dan/4106/Phat-huy-vai-tro-cua-gia-lang-trong-xu-the-hien-dai-hoa>, 12-09-2016.
- 10, 11. Dương Văn Quý: *Phát huy vai trò của luật tục Tây Nguyên trong tổ chức, thực hiện pháp luật*, <https://danchuphapluat.vn/phat-huy-vai-tro-cua-luat-tuc-tay-nguyen-trong-to-chuc-thuc-hien-phap-luat>, 26-01-2021.

DU LỊCH DI SẢN - MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG...

4. Gồm: 2 di tích quốc gia đặc biệt và Quần thể di tích lịch sử Tây Sơn Thượng đạo và Di tích khảo cổ Rộc Tung-Gò Đá được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; 8 di tích quốc gia; 26 di tích, cụm di tích cấp tỉnh; có 2 hiện vật, bộ hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia, gồm: Phù điêu Phật Chăm-pa Tây Nguyên (năm 2017) và Sưu tập công cụ sơ kỳ đá cũ An Khê (năm 2023); 27 hiện vật, bộ hiện vật được đăng ký cổ vật.
5. Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng đang nhận được sự quan tâm, bảo tồn đa dạng sinh học rừng cũng như khai thác các sản phẩm hàng hóa người dân tại địa phương, góp phần phát triển kinh tế.
6. Minh Châu: *Quý I năm 2024, Gia Lai đón khoảng 470 ngàn lượt khách du lịch*, <https://gialai.gov.vn/tin-tuc/quy-1-2024-gia-lai-don-470-ngan-luot-khach-du-lich.79228.aspx>, 02-04-2024.
7. Tỉnh hiện chỉ có 1 cơ sở đào tạo nghề du lịch là Khoa Nghiệp vụ du lịch (Trường Cao đẳng Gia Lai). Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, không đủ điều kiện để mở lớp.

Tiếp theo trang 75

8. Báo cáo Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình 43-Ctr/TU, ngày 26-6-2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16-01-2017 của Bộ Chính trị về *phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, năm 2022*.
9. Mô hình này có thể xây dựng ở Đăk Pơ kết hợp du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp là di tích quốc gia như tượng đá Chăm (xã Tân An); Đá Ông Nhạc (xã Phú An), Di tích tượng đài Chiến thắng Đăk Pơ, những ngôi làng, những nhà sàn còn nguyên vẹn, những làng nghề thủ công truyền thống như dệt thổ cẩm, đan lát, văn hóa công nghệ hoặc các nghi lễ dân gian độc đáo được người đồng bào Ba Na lưu giữ; Mô hình này cũng xây dựng ở huyện Kbang, du khách vừa trải nghiệm 5 làng du lịch: làng Mơ Hra-Đáp, làng Kdang (xã Kông Long Khong), làng Stor (xã Tô Tung), làng Kon Bông (xã Đak Rong) và làng Chiêng (thị trấn Kbang) đồng thời tham quan di tích lịch sử văn hóa “Làng kháng chiến Stor” và “Nhà lưu niệm Anh hùng Núp”.

